

DANH SÁCH THỪA ĐẤT, GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐẤU GIÁ VÀ TIỀN ĐẶT TRƯỚC (XÃ NGHĨA MỸ CŨ)

TT	Số hiệu tờ bản đồ	Số hiệu thửa đất	Địa danh thửa đất	Diện tích (m2)	Giá theo bảng giá đất	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Ký hiệu lô đất đấu giá	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	59	84	Ngõ Sinh- Bách Mỹ	1.067,6	704.616	2.042,3	1.348.000	1.348.000	ĐG1	Đất công ích
	59	119	Ngõ Sinh- Bách Mỹ	338,2	223.212					
	59	120	Ngõ Sinh- Bách Mỹ	636,5	420.090					
2	59	234	Rộc Nhe-Bách Mỹ	1.108,6	698.418	7.798,2	4.913.000	4.913.000	ĐG2	Đất công ích
	59	235	Rộc Nhe-Bách Mỹ	574,7	362.061					
	59	236	Rộc Nhe-Bách Mỹ	948,4	597.492					
	59	237	Rộc Nhe-Bách Mỹ	756,4	476.532					
	59	269	Rộc Nhe-Bách Mỹ	754,5	475.335					
	59	270	Rộc Nhe-Bách Mỹ	1.014,7	639.261					
	59	271	Rộc Nhe-Bách Mỹ	781,2	492.156					
	59	272	Rộc Nhe-Bách Mỹ	367,7	231.651					
	59	281	Rộc Nhe-Bách Mỹ	503,4	317.142					
	59	283	Rộc Nhe-Bách Mỹ	486,9	306.747					
	59	282	Rộc Nhe-Bách Mỹ	501,7	316.071					
	59	359	Ngõ Chu-Bách Mỹ	828,2	521.766					
	59	360	Ngõ Chu-Bách Mỹ	714,1	471.306					

3	59	400	Ngõ Chu-Bách Mỹ	912,3	574.749	9.424,7	6.065.000	6.065.000	ĐG3	Đất công ích
	59	405	Ngõ Chu-Bách Mỹ	1.224,9	808.434					
	59	406	Ngõ Chu-Bách Mỹ	1.339,5	884.070					
	59	608	Ngõ Chu- Bách Mỹ	955,0	630.300					
	59	450	Ngõ Chu-Bách Mỹ	465,7	293.391					
	59	452	Kênh N16-3- Bách Mỹ	234,1	147.483					
	59	502	Kênh N16-3-Bách Mỹ	116,6	73.458					
	59	503	Kênh N16-3-Bách Mỹ	745,0	469.350					
	59	505	Kênh N16-3-Bách Mỹ	425,0	267.750					
	59	506	Kênh N16-3-Bách Mỹ	509,6	321.048					
	59	451	Ngõ Chu- Bách Mỹ	954,7	601.461					
4	59	429	Mình Huê- Bách Mỹ	485,2	305.676	3.751,7	2.404.000	2.404.000	ĐG4	Đất công ích
	59	473	Mình Huê-Bách Mỹ	1.418,3	893.529					
	59	471	Mình Huê-Bách Mỹ	1.361,2	898.392					
	59	492	Mình Huê-Bách Mỹ	487,0	306.810					
	63	424	Bờ Sum-Bách Mỹ	522,4	344.784					
	63	425	Bờ Sum-Bách Mỹ	978,9	616.707					
	63	476	Bờ Sum-Bách Mỹ	460,7	290.241					
	63	477	Bờ Sum-Bách Mỹ	380,8	239.904					

5	63	478	Bờ Sum-Bách Mỹ	252,1	158.823	8.665,3	5.576.000	5.576.000	ĐG5	Đất công ích
	63	479	Bờ Sum-Bách Mỹ	250,3	157.689					
	63	481	Bờ Sum-Bách Mỹ	509,3	336.138					
	63	483	Bờ Sum-Bách Mỹ	906,5	598.290					
	63	490	Bờ Sum-Bách Mỹ	1.302,7	859.782					
	63	491	Bờ Sum-Bách Mỹ	1.127,2	710.136					
	63	493	Bờ Sum-Bách Mỹ	342,5	215.775					
	63	494	Bờ Sum-Bách Mỹ	560,1	352.863					
	63	563	Gò Sỏi-Bách Mỹ	208,1	131.103					
	63	564	Gò Sỏi-Bách Mỹ	222,0	139.860					
	63	482	Bờ Sum-Bách Mỹ	641,7	423.522					
	63	429	Vườn Sàn- Bách Mỹ	965,9	608.517					
	63	430	Vườn Sàn- Bách Mỹ	549,6	346.248					
	63	431	Vườn Sàn- Bách Mỹ	456,2	287.406					
	63	470	Vườn Sàn- Bách Mỹ	1.006,0	633.780					
	63	471	Vườn Sàn- Bách Mỹ	489,3	308.259					
	63	472	Vườn Sàn- Bách Mỹ	601,8	379.134					
	63	473	Vườn Sàn- Bách Mỹ	528,5	332.955					
	63	474	Vườn Sàn- Bách Mỹ	551,5	347.445					

6	63	497	Vườn Sàn- Bách Mỹ	1.432,3	902.349	26.832,5	16.904.000	16.904.000	ĐG6	Đất công ích
	63	498	Vườn Sàn- Bách Mỹ	1.538,3	969.129					
	63	499	Vườn Sàn- Bách Mỹ	512,2	322.686					
	63	500	Vườn Sàn- Bách Mỹ	1.468,6	925.218					
	63	544	Vườn Sàn- Bách Mỹ	1.526,3	961.569					
	63	575	Vườn Sàn-Bách Mỹ	1.679,4	1.058.022					
	63	624	Vườn Sàn-Bách Mỹ	603,6	380.268					
	63	625	Vườn Sàn-Bách Mỹ	1.615,6	1.017.828					
	63	626	Vườn Sàn-Bách Mỹ	785,2	494.676					
	63	627	Vườn Sàn-Bách Mỹ	556,5	350.595					
	63	647	Vườn Sàn-Bách Mỹ	2.191,5	1.380.645					
	63	648	Vườn Sàn-Bách Mỹ	1.275,8	803.754					
	63	649	Vườn Sàn-Bách Mỹ	1.461,3	920.619					
	63	685	Vườn Sàn-Bách Mỹ	1.600,9	1.008.567					
	63	687	Vườn Sàn-Bách Mỹ	1.483,2	934.416					
	63	760	Vườn Sàn-Bách Mỹ	599,4	377.622					
	63	759	Vườn Sàn- Bách Mỹ	718,2	452.466					
	63	761	Vườn Sàn- Bách Mỹ	635,4	400.302					
	63	436	Vườn Sàn- Bách Mỹ	520,8	328.104					

7	63	690	Vườn Sần- Bách Mỹ	1.009,9	636.237	3.687,5	2.388.000	2.388.000	ĐG7	Đất công ích
	63	588	Vườn Sần-Bách Mỹ	1.230,0	811.800					
	63	617	KDC Đất Xóm- Bách Mỹ	926,8	611.688					
8	27	710	Gò Lao - Bách Mỹ	731,6	460.908	8.428,5	5.310.000	5.310.000	ĐG8	Đất công ích
	27	711	Gò Lao - Bách Mỹ	90,0	56.700					
	27	714	Gò Lao - Bách Mỹ	528,7	333.081					
	27	715	Gò Lao - Bách Mỹ	529,1	333.333					
	27	716	Gò Lao - Bách Mỹ	527,0	332.010					
	27	717	Gò Lao - Bách Mỹ	280,0	176.400					
	27	718	Gò Lao - Bách Mỹ	537,8	338.814					
	27	794	Gò Lao - Bách Mỹ	1.022,2	643.986					
	27	795	Gò Lao - Bách Mỹ	446,4	281.232					
	27	796	Gò Lao - Bách Mỹ	471,4	296.982					
	27	803	Gò Lao - Bách Mỹ	647,2	407.736					
	27	804	Gò Lao - Bách Mỹ	475,1	299.313					
	27	805	Gò Sáu - Bách Mỹ	540,1	340.263					
	27	806	Gò Sáu - Bách Mỹ	486,6	306.558					
	27	877	Gò Lao - Bách Mỹ	497,7	313.551					
	27	878	Gò Lao - Bách Mỹ	617,6	389.088					
	27	1231	Đình Cũ - Bách Mỹ	162,0	102.060					

9	27	1242	Đình Cũ - Bách Mỹ	840,3	529.389	7.760,6	4.921.000	4.921.000	ĐG9	Đất công ích	
	27	1243	Đình Cũ - Bách Mỹ	36,6	23.058						
	27	1244	Đình Cũ - Bách Mỹ	789,1	497.133						
	27	1246	Đình Cũ - Bách Mỹ	527,3	332.199						
	27	1247	Đình Cũ - Bách Mỹ	600,4	378.252						
	27	1274	Đình Cũ - Bách Mỹ	1.325,1	834.813						
	27	1276	Đình Cũ - Bách Mỹ	447,7	282.051						
	27	1278	Đình Cũ - Bách Mỹ	389,0	245.070						
	27	1281	Đình Cũ - Bách Mỹ	723,1	477.246						
	27	1282	Đình Cũ - Bách Mỹ	334,2	220.572						
	27	1275	Đình Cũ-Thôn Bách Mỹ	306,9	193.347						
	27	1249	Đình Cũ-Thôn Bách Mỹ	1.278,9	805.707						
10	27	1214	Trước Chùa- Bách Mỹ	484,4	305.172	4.603,1	3.016.000	3.016.000	ĐG10	Đất công ích	
	27	1421	Trước Chùa-Bách Mỹ	264,5	166.635						
	27	1269	Vườn Huề - Bách Mỹ	430,6	284.196						
	27	1270	Vườn Huề - Bách Mỹ	596,6	393.756						
	27	1302	Vườn Huề - Bách Mỹ	409,3	270.138						
	27	1303	Vườn Huề - Bách Mỹ	848,5	560.010						

	27	1318	Vườn Huê - Bách Mỹ	403,6	266.376					
	27	1319	Vườn Huê - Bách Mỹ	361,9	238.854					
	27	1304	Vườn Huê - Bách Mỹ	803,7	530.442					
11	65	4	Mình Huê - Bách Mỹ	454,4	286.272	7.868,3	4.957.000	4.957.000	ĐG11	Đất công ích
	65	28	Mình Huê - Bách Mỹ	558,2	351.666					
	65	29	Mình Huê - Bách Mỹ	500,4	315.252					
	65	47	Mình Huê - Bách Mỹ	761,1	479.493					
	65	61	Mình Huê - Bách Mỹ	1.409,8	888.174					
	65	62	Mình Huê - Bách Mỹ	225,9	142.317					
	65	63	Mình Huê - Bách Mỹ	649,1	408.933					
	65	76	Mình Huê - Bách Mỹ	499,5	314.685					
	65	77	Mình Huê - Bách Mỹ	433,2	272.916					
	65	80	Mình Huê - Bách Mỹ	302,3	190.449					
	65	91	Mình Huê - Bách Mỹ	1.128,1	710.703					
	65	104	Mình Huê - Bách Mỹ	425,8	268.254					
	65	132	Mình Huê - Bách Mỹ	520,5	327.915					
	65	8	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	1.004,0	632.520					
	65	9	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	626,7	394.821					
	65	10	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	659,1	415.233					

12	65	11	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	769,4	484.722	10.885,4	6.858.000	6.858.000	ĐG12	Đất công ích
	65	34	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	245,9	154.917					
	65	35	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	347,8	219.114					
	65	36	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	597,7	376.551					
	65	37	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	403,2	254.016					
	65	38	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	490,6	309.078					
	65	39	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	1.404,5	884.835					
	65	40	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	341,5	215.145					
	65	41	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	724,0	456.120					
	65	42	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	2.015,4	1.269.702					
	65	68	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	1.255,6	791.028					
13	65	20	Mình Huê - Bách Mỹ	404,8	255.024	3.561,3	2.244.000	2.244.000	ĐG13	Đất công ích
	65	21	Mình Huê - Bách Mỹ	701,6	442.008					
	65	22	Mình Huê - Bách Mỹ	629,4	396.522					
	65	53	Mình Huê - Bách Mỹ	290,4	182.952					
	65	54	Mình Huê - Bách Mỹ	574,7	362.061					
	65	139	Mình Huê - Bách Mỹ	638,7	402.381					
	65	140	Mình Huê - Bách Mỹ	321,7	202.671					
14	66	32	QH SVD- Bách Mỹ	2.946,2	1.856.106	5.562,3	3.583.000	3.583.000	ĐG14	Đất công ích
	66	65	QH SVD- Bách Mỹ	1.012,1	667.986					

	66	85	QH SVD- Bách Mỹ	1.604,0	1.058.640					
15	66	139	Đất Hán-Bách Mỹ	467,0	294.210	5.338,1	3.476.000	3.476.000	ĐG15	Đất công ích
	66	322	Đất Hán-Bách Mỹ	1.094,4	689.472					
	66	42	Vườn Sàn- Bách Mỹ	2.015,7	1.330.362					
	66	43	Vườn Sàn- Bách Mỹ	677,8	447.348					
	66	59	Vườn Sàn- Bách Mỹ	1.083,2	714.912					
16	66	191	Vườn Đào-Bách Mỹ	3.340,1	2.204.466	13.206,5	8.431.000	8.431.000	ĐG16	Đất công ích
	66	207	Đám Sâu-Bách Mỹ	713,2	449.316					
	66	208	Đám Sâu-Bách Mỹ	596,3	375.669					
	66	215	Đám Sâu-Bách Mỹ	346,1	228.426					
	66	216	Đám Sâu-Bách Mỹ	206,7	130.221					
	66	217	Đám Sâu-Bách Mỹ	463,6	292.068					
	66	218	Đám Sâu-Bách Mỹ	500,7	315.441					
	66	219	Đám Sâu-Bách Mỹ	378,0	238.140					
	66	220	Đám Sâu-Bách Mỹ	533,2	335.916					
	66	221	Đám Sâu-Bách Mỹ	594,9	374.787					
	66	234	Đám Sâu-Bách Mỹ	325,8	205.254					
	66	235	Đám Sâu-Bách Mỹ	474,0	298.620					
	66	236	Đám Sâu-Bách Mỹ	480,4	302.652					

	66	237	Đám Sâu-Bách Mỹ	431,3	271.719					
	66	238	Đám Sâu-Bách Mỹ	505,0	318.150					
	66	248	Đám Sâu-Bách Mỹ	519,0	326.970					
	66	249	Đám Sâu-Bách Mỹ	484,7	305.361					
	66	250	Đám Sâu-Bách Mỹ	574,3	361.809					
	66	251	Đám Sâu-Bách Mỹ	578,2	364.266					
	66	252	Đám Sâu-Bách Mỹ	566,6	356.958					
	66	270	Đám Sâu-Bách Mỹ	594,4	374.472					
17	66	199	Đám Tranh-Bách Mỹ	2.969,0	1.870.470	4.665,9	2.940.000	2.940.000	ĐG17	Đất công ích
	66	200	Đám Tranh-Bách Mỹ	683,3	430.479					
	66	346	Đám Tranh-Bách Mỹ	460,8	290.304					
	66	347	Đám Tranh-Bách Mỹ	552,8	348.264					
Tổng cộng		181		134.082,2	85.331.793,0	134.082,2	85.334.000		17 LÔ	



DANH SÁCH LÔ ĐẤT ĐẤU GIÁ, GIÁ KHỞI ĐIỂM VÀ TIỀN ĐẶT TRƯỚC (XÃ NGHĨA MỸ CŨ)

(kèm theo Thông báo số 221/TB-TTĐVĐGTS ngày 05/10/2026 và Quyết định số 220/QĐ-TTĐVĐGTS ngày 05/10/2026)

TT	Số hiệu tờ bản đồ	Số hiệu thửa đất	Địa danh thửa đất	Diện tích (m ²)	Giá theo bảng giá đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Ký hiệu lô đất đấu giá	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	59	84	Ngõ Sinh- Bách Mỹ	1.067,6	704.616	2.042,3	1.348.000	1.348.000	ĐG1	Đất công ích
	59	119	Ngõ Sinh- Bách Mỹ	338,2	223.212					
	59	120	Ngõ Sinh- Bách Mỹ	636,5	420.090					
2	59	234	Rộc Nhe-Bách Mỹ	1.108,6	698.418	7.798,2	4.913.000	4.913.000	ĐG2	Đất công ích
	59	235	Rộc Nhe-Bách Mỹ	574,7	362.061					
	59	236	Rộc Nhe-Bách Mỹ	948,4	597.492					
	59	237	Rộc Nhe-Bách Mỹ	756,4	476.532					
	59	269	Rộc Nhe-Bách Mỹ	754,5	475.335					
	59	270	Rộc Nhe-Bách Mỹ	1.014,7	639.261					
	59	271	Rộc Nhe-Bách Mỹ	781,2	492.156					
	59	272	Rộc Nhe-Bách Mỹ	367,7	231.651					
	59	281	Rộc Nhe-Bách Mỹ	503,4	317.142					
	59	283	Rộc Nhe-Bách Mỹ	486,9	306.747					

	59	282	Rộc Nhe-Bách Mỹ	501,7	316.071					
3	59	359	Ngõ Chu-Bách Mỹ	828,2	521.766	9.424,7	6.065.000	6.065.000	ĐG3	Đất công ích
	59	360	Ngõ Chu-Bách Mỹ	714,1	471.306					
	59	400	Ngõ Chu-Bách Mỹ	912,3	574.749					
	59	405	Ngõ Chu-Bách Mỹ	1.224,9	808.434					
	59	406	Ngõ Chu-Bách Mỹ	1.339,5	884.070					
	59	608	Ngõ Chu- Bách Mỹ	955,0	630.300					
	59	450	Ngõ Chu-Bách Mỹ	465,7	293.391					
	59	452	Kênh N16-3- Bách Mỹ	234,1	147.483					
	59	502	Kênh N16-3-Bách Mỹ	116,6	73.458					
	59	503	Kênh N16-3-Bách Mỹ	745,0	469.350					
	59	505	Kênh N16-3-Bách Mỹ	425,0	267.750					
	59	506	Kênh N16-3-Bách Mỹ	509,6	321.048					
	59	451	Ngõ Chu- Bách Mỹ	954,7	601.461					
4	59	429	Minh Huê- Bách Mỹ	485,2	305.676	3.751,7	2.404.000	2.404.000	ĐG4	Đất công ích
	59	473	Minh Huê-Bách Mỹ	1.418,3	893.529					
	59	471	Minh Huê-Bách Mỹ	1.361,2	898.392					
	59	492	Minh Huê-Bách Mỹ	487,0	306.810					

5	63	429	Vườn Sàn- Bách Mỹ	965,9	608.517	26.832,5	16.904.000	16.904.000	ĐG6	Đất công ích
	63	430	Vườn Sàn- Bách Mỹ	549,6	346.248					
	63	431	Vườn Sàn- Bách Mỹ	456,2	287.406					
	63	470	Vườn Sàn- Bách Mỹ	1.006,0	633.780					
	63	471	Vườn Sàn- Bách Mỹ	489,3	308.259					
	63	472	Vườn Sàn- Bách Mỹ	601,8	379.134					
	63	473	Vườn Sàn- Bách Mỹ	528,5	332.955					
	63	474	Vườn Sàn- Bách Mỹ	551,5	347.445					
	63	497	Vườn Sàn- Bách Mỹ	1.432,3	902.349					
	63	498	Vườn Sàn- Bách Mỹ	1.538,3	969.129					
	63	499	Vườn Sàn- Bách Mỹ	512,2	322.686					
	63	500	Vườn Sàn- Bách Mỹ	1.468,6	925.218					
	63	544	Vườn Sàn- Bách Mỹ	1.526,3	961.569					
	63	575	Vườn Sàn-Bách Mỹ	1.679,4	1.058.022					
	63	624	Vườn Sàn-Bách Mỹ	603,6	380.268					
	63	625	Vườn Sàn-Bách Mỹ	1.615,6	1.017.828					
	63	626	Vườn Sàn-Bách Mỹ	785,2	494.676					
	63	627	Vườn Sàn-Bách Mỹ	556,5	350.595					

	63	647	Vườn Sàn-Bách Mỹ	2.191,5	1.380.645					
	63	648	Vườn Sàn-Bách Mỹ	1.275,8	803.754					
	63	649	Vườn Sàn-Bách Mỹ	1.461,3	920.619					
	63	685	Vườn Sàn-Bách Mỹ	1.600,9	1.008.567					
	63	687	Vườn Sàn-Bách Mỹ	1.483,2	934.416					
	63	760	Vườn Sàn-Bách Mỹ	599,4	377.622					
	63	759	Vườn Sàn- Bách Mỹ	718,2	452.466					
	63	761	Vườn Sàn- Bách Mỹ	635,4	400.302					
6	63	436	Vườn Sàn- Bách Mỹ	520,8	328.104	3.687,5	2.388.000	2.388.000	ĐG7	Đất công ích
	63	690	Vườn Sàn- Bách Mỹ	1.009,9	636.237					
	63	588	Vườn Sàn-Bách Mỹ	1.230,0	811.800					
	63	617	KDC Đất Xóm- Bách Mỹ	926,8	611.688					
	27	1231	Đình Cũ - Bách Mỹ	162,0	102.060					
	27	1242	Đình Cũ - Bách Mỹ	840,3	529.389					
	27	1243	Đình Cũ - Bách Mỹ	36,6	23.058					
	27	1244	Đình Cũ - Bách Mỹ	789,1	497.133					
	27	1246	Đình Cũ - Bách Mỹ	527,3	332.199					

7	27	1247	Đình Cũ - Bách Mỹ	600,4	378.252	7.760,6	4.921.000	4.921.000	ĐG9	Đất công ích
	27	1274	Đình Cũ - Bách Mỹ	1.325,1	834.813					
	27	1276	Đình Cũ - Bách Mỹ	447,7	282.051					
	27	1278	Đình Cũ - Bách Mỹ	389,0	245.070					
	27	1281	Đình Cũ - Bách Mỹ	723,1	477.246					
	27	1282	Đình Cũ - Bách Mỹ	334,2	220.572					
	27	1275	Đình Cũ-Thôn Bách Mỹ	306,9	193.347					
	27	1249	Đình Cũ-Thôn Bách Mỹ	1.278,9	805.707					
8	27	1214	Trước Chùa- Bách Mỹ	484,4	305.172	4.603,1	3.016.000	3.016.000	ĐG10	Đất công ích
	27	1421	Trước Chùa-Bách Mỹ	264,5	166.635					
	27	1269	Vườn Huê - Bách Mỹ	430,6	284.196					
	27	1270	Vườn Huê - Bách Mỹ	596,6	393.756					
	27	1302	Vườn Huê - Bách Mỹ	409,3	270.138					
	27	1303	Vườn Huê - Bách Mỹ	848,5	560.010					
	27	1318	Vườn Huê - Bách Mỹ	403,6	266.376					
	27	1319	Vườn Huê - Bách Mỹ	361,9	238.854					
	27	1304	Vườn Huê - Bách Mỹ	803,7	530.442					
	65	4	Minh Huê - Bách Mỹ	454,4	286.272					

9	65	28	Mình Huê - Bách Mỹ	558,2	351.666	7.868,3	4.957.000	4.957.000	ĐG11	Đất công ích
	65	29	Mình Huê - Bách Mỹ	500,4	315.252					
	65	47	Mình Huê - Bách Mỹ	761,1	479.493					
	65	61	Mình Huê - Bách Mỹ	1.409,8	888.174					
	65	62	Mình Huê - Bách Mỹ	225,9	142.317					
	65	63	Mình Huê - Bách Mỹ	649,1	408.933					
	65	76	Mình Huê - Bách Mỹ	499,5	314.685					
	65	77	Mình Huê - Bách Mỹ	433,2	272.916					
	65	80	Mình Huê - Bách Mỹ	302,3	190.449					
	65	91	Mình Huê - Bách Mỹ	1.128,1	710.703					
	65	104	Mình Huê - Bách Mỹ	425,8	268.254					
	65	132	Mình Huê - Bách Mỹ	520,5	327.915					
	65	8	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	1.004,0	632.520					
	65	9	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	626,7	394.821					
	65	10	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	659,1	415.233					
	65	11	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	769,4	484.722					
	65	34	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	245,9	154.917					
	65	35	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	347,8	219.114					

10	65	36	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	597,7	376.551	10.885,4	6.858.000	6.858.000	ĐG12	Đất công ích
	65	37	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	403,2	254.016					
	65	38	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	490,6	309.078					
	65	39	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	1.404,5	884.835					
	65	40	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	341,5	215.145					
	65	41	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	724,0	456.120					
	65	42	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	2.015,4	1.269.702					
	65	68	Kênh N16-3 -Bách Mỹ	1.255,6	791.028					
11	65	20	Mình Huê - Bách Mỹ	404,8	255.024	3.561,3	2.244.000	2.244.000	ĐG13	Đất công ích
	65	21	Mình Huê - Bách Mỹ	701,6	442.008					
	65	22	Mình Huê - Bách Mỹ	629,4	396.522					
	65	53	Mình Huê - Bách Mỹ	290,4	182.952					
	65	54	Mình Huê - Bách Mỹ	574,7	362.061					
	65	139	Mình Huê - Bách Mỹ	638,7	402.381					
	65	140	Mình Huê - Bách Mỹ	321,7	202.671					
	66	32	QH SVD- Bách Mỹ	2.946,2	1.856.106					

12	66	65	QH SVD- Bách Mỹ	1.012,1	667.986	5.562,3	3.583.000	3.583.000	ĐG14	Đất công ích
	66	85	QH SVD- Bách Mỹ	1.604,0	1.058.640					
13	66	139	Đất Hán-Bách Mỹ	467,0	294.210	5.338,1	3.476.000	3.476.000	ĐG15	Đất công ích
	66	322	Đất Hán-Bách Mỹ	1.094,4	689.472					
	66	42	Vườn Sần- Bách Mỹ	2.015,7	1.330.362					
	66	43	Vườn Sần- Bách Mỹ	677,8	447.348					
	66	59	Vườn Sần- Bách Mỹ	1.083,2	714.912					
	66	191	Vườn Đào-Bách Mỹ	3.340,1	2.204.466					
	66	207	Đám Sầu-Bách Mỹ	713,2	449.316					
	66	208	Đám Sầu-Bách Mỹ	596,3	375.669					
	66	215	Đám Sầu-Bách Mỹ	346,1	228.426					
	66	216	Đám Sầu-Bách Mỹ	206,7	130.221					
	66	217	Đám Sầu-Bách Mỹ	463,6	292.068					
	66	218	Đám Sầu-Bách Mỹ	500,7	315.441					
	66	219	Đám Sầu-Bách Mỹ	378,0	238.140					
	66	220	Đám Sầu-Bách Mỹ	533,2	335.916					
	66	221	Đám Sầu-Bách Mỹ	594,9	374.787					

14	66	234	Đám Sâu-Bách Mỹ	325,8	205.254	13.206,5	8.431.000	8.431.000	ĐG16	Đất công ích
	66	235	Đám Sâu-Bách Mỹ	474,0	298.620					
	66	236	Đám Sâu-Bách Mỹ	480,4	302.652					
	66	237	Đám Sâu-Bách Mỹ	431,3	271.719					
	66	238	Đám Sâu-Bách Mỹ	505,0	318.150					
	66	248	Đám Sâu-Bách Mỹ	519,0	326.970					
	66	249	Đám Sâu-Bách Mỹ	484,7	305.361					
	66	250	Đám Sâu-Bách Mỹ	574,3	361.809					
	66	251	Đám Sâu-Bách Mỹ	578,2	364.266					
	66	252	Đám Sâu-Bách Mỹ	566,6	356.958					
	66	270	Đám Sâu-Bách Mỹ	594,4	374.472					
15	66	199	Đám Tranh-Bách Mỹ	2.969,0	1.870.470	4.665,9	2.940.000	2.940.000	ĐG17	Đất công ích
	66	200	Đám Tranh-Bách Mỹ	683,3	430.479					
	66	346	Đám Tranh-Bách Mỹ	460,8	290.304					
	66	347	Đám Tranh-Bách Mỹ	552,8	348.264					
Tổng cộng		150		116.988,4	74.446.221,0	116.988,4	74.448.000	74.448.000	15 LÔ	